

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá                                    |   | Tiêu chí đánh giá |
|--|---|-------------------|
| <b>1. Tính hợp lệ của hàng hoá</b>                   |   |                   |
| <b>1.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa</b> | <p>Đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu có cam kết hàng hóa cung cấp mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất trong năm 2025.</li> <li>- Có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo quy định tại Chương V. Có đầy đủ nội dung: Ký mã hiệu (theo quy định của nhà sản xuất); Nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất); Tên nhà sản xuất; Xuất xứ.</li> <li>- Nhà thầu có đề xuất đặc tính, tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật tại Chương V của EHSMT.</li> <li>- Nhà thầu cung cấp đầy đủ Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. Trường hợp không đầy đủ thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu có xác nhận của Nhà sản xuất/Đại diện</li> </ul> | Đạt               |

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

|  |  |           |
|--|--|-----------|
|  | hợp pháp của Nhà sản xuất.   |           |
|  | Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên.   | Không đạt |
| <b>2.2. Tài liệu cung cấp khi bàn giao hàng hoá</b>  | Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ các giấy tờ hợp lệ kèm theo khi bàn giao xe, phục vụ cho việc đăng ký lưu hành xe đáp ứng yêu cầu Chương V của E-HSMT   | Đạt       |
|  | Nhà thầu không cam kết cung cấp đầy đủ các giấy tờ hợp lệ kèm theo khi bàn giao xe, phục vụ cho việc đăng ký lưu hành xe đáp ứng yêu cầu Chương V của E-HSMT   | Không đạt |
| <b>1.3 Cam kết khác của nhà thầu</b>   | Nhà thầu có cam kết cử nhân sự hỗ trợ Chủ đầu tư trong quá trình làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe, đăng ký biển số và các dịch vụ khác  | Đạt       |
|  | Nhà thầu không có cam kết cử nhân sự hỗ trợ Chủ đầu tư trong quá trình làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe, đăng ký biển số và các dịch vụ khác  | Không đạt |
| <b>2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b> |  |           |
| <b>Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>  | Có thuyết minh biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất gói thầu   | Đạt       |
|  | Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên  | Không đạt |
| <b>3. Bảo hành, bảo trì</b>  |  |           |
| <b>3.1 Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>   | <p>- Thời gian bảo hành tối thiểu: Được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng tối thiểu là <b>Bảo hành <math>\geq</math> 60 tháng hoặc <math>\geq</math> 150.000 km kể từ ngày bàn giao xe đưa vào sử dụng, tùy thuộc điều kiện nào đến trước.</b></p> <p>- Điều kiện bảo hành: Vào bất kỳ thời điểm nào, nếu chủ đầu tư phát hiện hàng hóa bàn giao có khiếm khuyết, không đảm bảo chất lượng, bị lỗi, hỏng không phải do người sử dụng Nhà thầu, bằng chi phí của mình Nhà thầu phải khắc phục hoặc thay thế sản phẩm mới hoàn chỉnh cho Chủ đầu tư. Thời gian</p> | Đạt       |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p>có mặt đáp ứng yêu cầu bảo hành là 04 giờ, thời gian khắc phục thay thế là 24 giờ.</p> <p>- Nhà thầu cam kết:</p> <p>+ Cam kết trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu có phát sinh sự cố hư hỏng nhà thầu phải chịu trách nhiệm và tiến hành sửa chữa (chi phí sửa chữa do nhà thầu chi trả). Nếu thấy phải thay thế linh kiện, vật tư, ... nhà thầu phải báo cáo chủ đầu tư và tự sửa chữa (phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư, chi phí thay thế do nhà thầu chi trả).</p> <p>+ Nhà thầu cam kết thu hồi hàng hóa và đổi hàng hóa mới 100% cho chủ đầu tư trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà sản xuất.</p> <p>+ Cam kết Kiểm tra xe miễn phí; Bảo dưỡng miễn phí tiền công theo quy định của Nhà sản xuất/Đại diện hợp pháp của Nhà sản xuất (nếu có).</p> <p>+ Cam kết về chế độ bảo trì, bảo dưỡng, hướng dẫn cho Chủ đầu tư sử dụng vận hành, sửa chữa thiết bị theo quy định của Nhà sản xuất/Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất (có sổ bảo hành và sách hướng dẫn sử dụng kèm theo khi giao xe).</p> <p>+ Cam kết: Trong thời gian bảo hành; Trong thời gian kiểm tra xe miễn phí và bảo dưỡng miễn phí tiền công (nếu có) được thực hiện tại bất kỳ đại lý ủy quyền của Nhà sản xuất/Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất hay các trung tâm bảo hành, bảo trì ủy quyền của Nhà sản xuất/Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất trên toàn quốc mà không bắt buộc phải thực hiện tại nơi mua xe.</p> <p>- Cam kết về khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, linh kiện chính hãng phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng khi chủ đầu tư có nhu cầu trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa.</p> <p>+ Cam kết các phụ tùng chính hiệu của hãng với giá bán cạnh tranh và thống nhất trên toàn quốc, luôn luôn sẵn có tại bất kỳ đại lý ủy quyền của Nhà sản xuất/Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất hay các trung tâm bảo hành, bảo trì ủy quyền của Nhà sản</p> |  |
|--|--|--|

|   |  |           |
|---|--|-----------|
|   | xuất/Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất, đảm bảo có vật tư, phụ kiện thay thế nếu hàng hóa bị hư hỏng trong thời gian sử dụng  |           |
|   | Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên.   | Không đạt |
| <b>3.2 Quy trình bảo hành</b>   | Nhà thầu có Bản quy trình thể hiện cụ thể, chi tiết quy trình bảo hành sản phẩm.   | Đạt       |
|   | Nhà thầu không có Bản quy trình thể hiện cụ thể, chi tiết quy trình bảo hành sản phẩm.   | Không đạt |
| <b>3.3 Địa điểm bảo hành</b>  | Liệt kê tên, địa chỉ, số điện thoại của các địa điểm cơ sở cung cấp dịch vụ bảo hành (Các địa điểm tính tới thời điểm nộp thầu)  | Đạt       |
|   | Không liệt kê theo yêu cầu.  | Không đạt |
| <b>4. Tiến độ cung cấp hàng hoá</b>   |  |           |
| <b>Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</b>                               | Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.   | Đạt       |
|   | Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có bảng tiến độ cung cấp hàng hoá nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.  | Không đạt |
| <b>5. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường</b>   |  |           |
| <b>5.1 Khả năng thích ứng về địa lý</b>   | Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý. Có cam kết hoặc thuyết minh kèm theo   | Đạt       |
|   | Hàng hóa được cung cấp không hoàn toàn thích ứng về địa lý.  | Không đạt |
| <b>5.2. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết</b>   | Hàng hóa được cung cấp đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5 theo quyết định số 19/2024/QĐ-TTG ngày 15/11/2024 của Chính phủ  | Đạt       |
|   | Hàng hóa được cung cấp không đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5  | Không đạt |
| <b>6. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19</b> | Tính từ ngày ký hợp đồng là 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu có cam kết không có hợp đồng bị xử phạt do chậm tiến độ hoặc không đạt chất lượng gói thầu hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng | Đạt       |

|  |  |           |
|--|--|-----------|
| <b>và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa trưng tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có):</b> | dẫn đến chấm dứt hợp đồng và nhà thầu có cam kết không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật   |           |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên hoặc không có cam kết đính kèm.   | Không đạt |
| <b>7.Uy tín của nhà thầu</b>   | Trong vòng 03 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu nhà thầu bị công bố vi phạm trên trang wed <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn/">https://muasamcong.mpi.gov.vn/</a> | Đạt       |
|  | Có tên trên trang wed <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn/">https://muasamcong.mpi.gov.vn/</a>  | Không đạt |

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

*- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:*

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

*- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:*

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

---

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.